

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Trình số 101/TTr-SXD ngày 25/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Đơn giá nhân công xây dựng để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Đơn giá nhân công xây dựng này là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt, quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước, vốn Nhà nước ngoài ngân sách, các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân áp dụng Đơn giá nhân công xây dựng này để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng hoặc xác định chi phí đầu tư xây dựng làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước của các dự án sử dụng nguồn vốn khác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2374/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Điều 4. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, công trình, hạng mục công trình chưa phê duyệt dự toán thì chủ đầu tư tổ chức lập và quản lý chi phí nhân công theo Quyết định này.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, công trình, hạng mục công trình đã phê duyệt dự toán trước ngày Quyết định này có hiệu lực nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà thầu hoặc đang tổ chức lựa chọn nhà thầu nhưng chưa đóng thầu thì chủ đầu tư điều chỉnh dự toán đơn giá nhân công được công bố tại Quyết định này.

3. Đối với các gói thầu xây dựng đã đóng thầu, đã ký hợp đồng trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì thực hiện theo nội dung mời thầu, hồ sơ dự thầu và nội dung hợp đồng đã ký kết.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, các Phòng CM, Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KT(HVTt).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lương Trọng Quỳnh

PHỤ LỤC
ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG TỈNH LẠNG SƠN
Công bố kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

STT	Nhóm	Đơn giá nhân công xây dựng bình quân theo khu vực (đồng/ngày công)	
		Khu vực III	Khu vực IV
I	Công nhân xây dựng trực tiếp (bậc 3,5/7)		
1	Nhóm 1	228.600	218.440
2	Nhóm 2	234.000	223.600
3	Nhóm 3	234.000	223.600
4	Nhóm 4	237.600	227.040
5	Nhóm 5	237.600	227.040
6	Nhóm 6	237.600	227.040
7	Nhóm 7	237.600	227.040
8	Nhóm 8	234.000	223.600
9	Nhóm 9 (Lái xe, bậc 2/4)	241.200	230.480
10	Nhóm 10 (Lái xe, bậc 2/4)	243.000	232.200
II	Kỹ sư trực tiếp (bậc 4/8)	246.000	237.000
III	Tư vấn xây dựng		
1	Kỹ sư cao cấp, chủ nhiệm dự án	750.000	700.000
2	Kỹ sư chính, chủ nhiệm bộ môn	575.000	500.000
3	Kỹ sư	387.500	350.000
4	Kỹ thuật viên trình độ trung cấp, cao đẳng, đào tạo nghề	350.000	313.750
IV	Nghệ nhân (bậc 1,5/2)	527.000	502.000
V	Thuyền trưởng, thuyền phó		
1	Thuyền trưởng (bậc 1,5/2)	378.880	361.200
2	Thuyền phó (bậc 1,5/2)	310.800	296.800
VI	Thủy thủ, thợ máy (bậc 2/4)	296.000	280.000
VII	Thợ điều khiển tàu sông (bậc 1,5/2)	296.000	280.000
VIII	Thợ lặn (bậc 2/4)	504.000	479.000

Ghi chú:

Phân chia khu vực theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 như sau:

- Khu vực III: Thành phố Lạng Sơn; Khu vực IV: Các huyện còn lại.
- Đơn giá nhân công xây dựng được xác định với thời gian làm việc một ngày là 8 giờ và một tháng là 26 ngày.
- Đơn giá nhân công xây dựng đã bao gồm các khoản bảo hiểm mà người lao động phải nộp theo quy định và chưa bao gồm các khoản bảo hiểm mà người sử dụng lao động phải nộp cho nhà nước đã được tính trong chi phí chung.